

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Những quy định trước đây về chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

**Điều 36. Tổ chức thực hiện.**

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 44/2001/NĐ-CP ngày 02/8/2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ Nghị quyết Chính phủ số 05/2001/NQ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài, cụ thể như sau:

**1. Điều 1 sửa đổi như sau:**

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; gia công và đại lý mua bán hàng hóa của thương nhân được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với thương nhân nước ngoài".

**2. Điều 3 sửa đổi như sau:**

"Điều 3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tất cả các loại hàng hóa, trừ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, đều được xuất khẩu, nhập khẩu". Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này.

**3. Điều 4 sửa đổi như sau:**

"Điều 4. Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

1. Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng thời kỳ trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại và các Bộ, ngành liên quan.

2. Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu chỉ được xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp đặc biệt khi được phép của Thủ tướng Chính phủ".

**4. Điều 5 sửa đổi như sau:**

**"Điều 5.** Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện.

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện bao gồm:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hạn ngạch;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại;

c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành;

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện và những quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục này do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng thời kỳ trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành liên quan".

**5. Điều 7 sửa đổi như sau:**

**"Điều 7.** Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu với một thị trường nhất định hoặc với những mặt hàng nhất định để thực hiện quyền tự vệ theo pháp luật và thông lệ quốc tế.

Bộ Thương mại thông báo với các tổ chức kinh tế quốc tế, các nước có liên quan theo thủ tục đã thỏa thuận (nếu có) khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định cụ thể về việc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa".

**6. Điều 8 sửa đổi như sau:**

**"Điều 8.** Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

1. Đối với thương nhân Việt Nam:

Thương nhân theo quy định của pháp luật được quyền xuất khẩu tất cả các loại hàng hóa,

không phụ thuộc ngành nghề, ngành hàng ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu; được nhập khẩu hàng hóa theo ngành nghề, ngành hàng ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thương mại kinh doanh có điều kiện, thương nhân phải thực hiện đầy đủ quy định hiện hành của pháp luật về kinh doanh các hàng hóa đó trước khi tiến hành xuất khẩu, nhập khẩu.

Chi nhánh thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo ủy quyền của thương nhân.

Riêng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh, ngoài việc xuất khẩu sản phẩm của mình, được xuất khẩu các loại hàng hóa khác, trừ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu và một số loại hàng hóa do Bộ Thương mại quy định cho từng thời kỳ. Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu có điều kiện, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh thực hiện việc xuất khẩu theo quy định của Giấy phép đầu tư được cấp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Việc nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh thực hiện theo quy định của Giấy phép đầu tư được cấp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định của Nghị định số 45/2000/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2000 của Chính phủ về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, các chủ thể kinh doanh quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải đăng ký mã số kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan xây dựng hệ thống mã số nói trên và hướng dẫn việc đăng ký mã số kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu”.

**7. Điều 9 sửa đổi như sau:**

**"Điều 9.** Xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.

1. Thương nhân, chi nhánh thương nhân quy định tại Điều 8 Nghị định này được ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh và chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam được ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên ủy thác, Bên nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu”.

**8. Điểm b khoản 1 Điều 15 sửa đổi như sau:**

**"b)** Nhận lại toàn bộ sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị cho thuê hoặc cho mượn; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, phế liệu sau khi thanh lý hợp đồng gia công (trừ trường hợp được phép xuất khẩu tại chỗ, tiêu hủy, biếu, tặng theo quy định tại Nghị định này)”.

**9. Khoản 1 Điều 15 bổ sung điểm e như sau:**

**"e)** Được xuất khẩu tại chỗ sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị cho thuê hoặc cho mượn; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa; phế phẩm, phế liệu theo văn bản thỏa thuận của các Bên có liên quan, phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa từng thời kỳ và

phải thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật”.

**10. Khoản 2 Điều 15 bổ sung điểm e như sau:**

**"e)** Làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị thuê hoặc mượn; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa; phế phẩm, phế liệu theo ủy nhiệm của Bên đặt gia công”.

**11. Điều 15 bổ sung khoản 3 như sau:**

**"3.** Điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị thuê hoặc mượn; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa; phế phẩm, phế liệu:

a) Phải tuân thủ quy định về hàng hóa nhập khẩu, về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Phải có hợp đồng mua bán ký giữa thương nhân nước ngoài với thương nhân nhập khẩu”.

**12. Khoản 3 Điều 18 sửa đổi như sau:**

**"3.** Sau khi kết thúc hợp đồng gia công, máy móc, thiết bị thuê, mượn theo hợp đồng; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa; phế phẩm, phế liệu được xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng gia công phù hợp với quy định của pháp luật. Thủ tục tái xuất, mua bán, biếu, tặng, tiêu hủy, chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác được thực hiện tại cơ quan hải quan”.

**13. Bổ sung Chương IV.1. “Thuê thương nhân nước ngoài làm đại lý bán hàng tại nước ngoài” như sau:**

**“Chương IV.1.** Thuê thương nhân nước ngoài làm đại lý bán hàng tại nước ngoài.

**Điều 26a.** Điều kiện thuê thương nhân nước ngoài làm đại lý bán hàng tại nước ngoài.

1. Thương nhân quy định tại Điều 8 Nghị định này được thuê thương nhân nước ngoài làm đại lý bán hàng tại nước ngoài.

2. Thương nhân được thuê đại lý bán hàng tại

096-594-72  
www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684  
LawSofit

nước ngoài tất cả các loại hàng hóa, trừ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu. Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu có điều kiện, thương nhân chỉ được ký hợp đồng đại lý bán hàng tại nước ngoài theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Thương nhân thuê đại lý bán hàng tại nước ngoài phải ký hợp đồng đại lý với thương nhân nước ngoài; phải có tài khoản tại ngân hàng để nhận tiền bán hàng đại lý theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Trường hợp nhận tiền bán hàng đại lý bằng hàng hóa, thương nhân Việt Nam phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về hàng hóa nhập khẩu.

**Điều 26b.** Nghĩa vụ về thuế.

1. Hàng hóa thuộc hợp đồng đại lý bán hàng tại nước ngoài phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thương nhân Việt Nam có trách nhiệm đăng ký, kê khai, nộp các loại thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến hoạt động thuê thương nhân nước ngoài làm đại lý bán hàng tại nước ngoài.

**Điều 26c.** Trả lại hàng.

1. Hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng đại lý bán hàng tại nước ngoài được nhập khẩu trở lại Việt Nam trong trường hợp không tiêu thụ được tại nước ngoài.

2. Hàng hóa nhập khẩu trở lại Việt Nam nêu tại khoản 1 Điều này không phải chịu thuế nhập khẩu và được thoái thu thuế xuất khẩu (nếu có).

Bộ Tài chính hướng dẫn các quy định về thuế nêu tại khoản này.

**Điều 26d.** Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc hợp đồng đại lý bán hàng tại nước ngoài, kể cả trường hợp nhập khẩu hàng hóa trở lại Việt Nam do không tiêu thụ được tại nước ngoài, thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan”.

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày ký. Các điều khoản khác của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 45/2001/  
NĐ-CP ngày 02/8/2001 về hoạt động  
điện lực và sử dụng điện.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Điện năng là hàng hóa đặc biệt. Nhà nước thống nhất quản lý các hoạt động điện lực